

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TLA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/DS-PT

Ngày: 14-3-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TLA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà NTMH

Các Thẩm phán:

Ông TVQ

Bà HTHV

- Thư ký phiên tòa: Bà NTMP - Thư ký Tòa án nhân dân LA

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân LA xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 565/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện CDLA bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

1.1. Bà HD sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp Mỹ Tây, xã Mỹ Lệ, CD

1.2. Ông HNA, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Long Hòa, CD

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà D, sinh năm 1962.
Địa chỉ: Số 28, đường Nguyễn Văn Siêu, khu phố 3, BL (văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 02 năm 2020).

2. *Bị đơn:* Bà L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Tân Trạch, CD

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà X, sinh năm 1947.

Địa chỉ: ấp Mỹ Tây, xã Mỹ Lệ, CD

4. *Người làm chứng:* Anh N, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Tân Trạch, CD

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu Liễu.

(Các đương sự có mặt; Bà Xem vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/11/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bạch Ngọc Diệu Hiền và ông Huỳnh Ngọc Ấn do bà Nguyễn Thị Bích Duyên đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Hiền và ông Ấn là vợ chồng, từ năm 2018 đến tháng 11/2019, bà Hiền và ông Ấn có cho bà Liễu vay tiền làm nhiều lần cụ thể như sau:

1. Ngày 5/8/2018 vay số tiền 60.000.000 đồng;
2. Ngày 1/8/2018 vay số tiền 6.000.000 đồng,
3. Ngày 7/8/2018 vay số tiền 3.500.000 đồng;
4. Ngày 7/9/2018 vay số tiền 4.400.000 đồng;
5. Ngày 7/10/2018 vay số tiền 4.000.000 đồng;
6. Ngày 7/11/2018 vay số tiền 4.200.000 đồng;
7. Ngày 7/12/2018 vay số tiền 4.000.000 đồng;
8. Ngày 07/01/2019 vay số tiền 4.150.000 đồng;
9. Ngày 07/02/2019 vay số tiền 4.350.000 đồng;
10. Ngày 07/3/2019 vay số tiền 4.560.000 đồng;
11. Ngày 7/4/2019 vay số tiền 5.200.000 đồng;
12. Ngày 7/5/2019 vay số tiền 5.040.000 đồng;
13. Ngày 7/6/2019 vay số tiền 5.290.000 đồng;
14. Ngày 7/7/2019 vay số tiền 6.500.000 đồng;
15. Ngày 7/8/2019 vay số tiền 6.100.000 đồng;
16. Ngày 7/9/2019 vay số tiền 7.200.000 đồng;
17. Ngày 7/10/2019 vay số tiền 7.424.000 đồng;
18. Ngày 7/11/2019 vay số tiền 30.100.000 đồng;

Tổng cộng số tiền vay là 166.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, hẹn trong vòng 01 năm bà Liễu bán đất sẽ trả tiền. Quá trình vay thì 02 bên có lập 02 giấy mượn tiền vào ngày 05/8/2018 là 60.000.000 đồng và sau đó có vay nhiều lần nữa nên chốt lại giấy nợ ngày 07/11/2019 là 166.000.000 đồng, 02 giấy nợ này chỉ được lập 01 bản do người cho mượn tiền giữ. Tính đến nay bà Liễu trả cho bà Hiền và ông Ấn 10.000.000 đồng tiền lãi (số tiền này bà Liễu đưa cho bà Phạm Thị Xem là mẹ ruột của bà Hiền, sau đó bà Xem đã đưa lại cho bà Hiền). Do bà Liễu không trả tiền theo thỏa thuận nên bà Hiền, ông Ấn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Buộc bà Nguyễn Thị Thu Liễu trả số tiền vay là 166.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0.75%/tháng tính từ ngày 07/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, yêu cầu trả 01 lần ngay khi án

có hiệu lực. Quá trình vay, thời điểm hai bên chốt nợ số tiền 60.000.000 đồng thì có con của bà Liễu là anh Nguyễn Tuấn Nghĩa chứng kiến việc bà Liễu có vay số tiền 60.000.000 đồng, còn lúc chốt số nợ 166.000.000 đồng thì anh Nghĩa không chứng kiến. Do chỉ cho bà Liễu vay tiền nên chỉ yêu cầu một mình bà Liễu chịu trách nhiệm trả vốn vay và lãi suất vay như trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Liễu trình bày:

Trước ngày 05/8/2018 bà có vay tiền của ông Ân, bà Hiền nhiều lần, mỗi lần vay số tiền 2.000.000 - 3.000.000 đồng, không có giấy tờ đến ngày 05/8/2018 chốt nợ lại số tiền vốn và lãi suất còn nợ là 60.000.000 đồng hai bên có làm giấy mượn tiền và ký tên. Sau khi ký tên thì bà có đưa cho con của bà là anh Nghĩa ký tên vào giấy mượn tiền này nhưng anh Nghĩa chỉ ký tên, bà không nói anh Nghĩa biết ký tên làm gì nên anh Nghĩa hoàn toàn không biết gì về việc bà có vay tiền của ông Ân, bà Hiền. Khi chốt nợ hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 6%/tháng, trong giấy mượn tiền ghi là khi nào bà bán đất thì trả tiền nhưng nội dung này là do bà Hiền tự viết vào, thực tế hai bên không thỏa thuận thời hạn trả chỉ nói miệng là khi nào bà có tiền thì trả tiền vốn cho bà Hiền, ông Ân, toàn bộ nội dung giấy mượn tiền chốt lại 60.000.000 đồng là do bà Hiền viết. Sau đó (không nhớ rõ thời gian nào) thì bà bị mất giấy mượn tiền nêu trên nên có thông báo cho bà Hiền, ông Ân biết thì sau đó bà Hiền ông Ân đưa cho bà 02 tờ giấy, trong đó: 01 bản phô tô chốt nợ 60.000.000 đồng nhưng bị chỉnh sửa ngày tháng lập giấy và viết thêm một số nội dung ở mặt sau và 01 tờ giấy (không rõ bản chính hay bản phô tô) lật mặt sau kêu bà ký tên mà không nói ký nội dung gì, do thiếu hiểu biết nên bà cũng ký tên vào giấy này, sau này bà mới biết nội dung ký là chốt nợ số tiền 166.000.000 đồng, bà Liễu thừa nhận chữ ký trong giấy nợ ngày 7/11/2019 do bà Hiền cung cấp cho Tòa án là do bà Liễu ký. Quá trình vay, bà có trả lãi suất cho bà Hiền, ông Ân 02 lần: lần 01 vào khoảng năm 2018 – 2019, trả 3.500.000 đồng đưa trực tiếp cho bà Hiền tại nhà bà Hiền, không làm giấy tờ; lần 2 đưa số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 27/12/2019 (âm lịch) đưa cho mẹ của bà Hiền là bà Phạm Thị Xem vì bà Hiền kêu đến nhà của bà Liễu để nhận, không làm giấy tờ. Đối với nội dung ghi thêm vào mặt sau giấy mượn tiền ngày 05/8/2018 mà bà nộp cho Tòa án là do đến ngày trả lãi suất nhưng bà chưa có tiền trả thì bà Hiền yêu cầu bà đưa bản chính giấy vay, bà Hiền tự ý lật mặt sau của giấy và viết thêm, ý của bà Hiền là số tiền lãi suất chưa trả mỗi lần vay sẽ cộng dồn vào tiền vốn vay còn nợ. Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà Hiền, ông Ân số tiền vốn vay còn nợ là 60.000.000 đồng nhưng sẽ trả dần mỗi tháng 500.000 đồng và xin không trả lãi. Đối với số tiền lãi 13.500.000 đồng mà bà đã trình bày nêu trên thì bà yêu cầu khấu trừ vào tiền vốn vay còn nợ. Trường hợp buộc phải trả lãi thì bà yêu cầu khấu trừ vào tiền lãi. Đối với yêu cầu bà Phạm Thị Xem trả lại cho bà 10.000.000 đồng thì do bà Xem đã thừa nhận có nhận tiền lãi cho bà Hiền nên bà rút lại yêu cầu này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân CD đã căn cứ Điều 26, 35, 147, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Ngọc Diệu Hiền và ông Huỳnh Ngọc Ân về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Liễu.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu Liễu phải có nghĩa vụ trả cho bà Bạch Ngọc Diệu Hiền và ông Huỳnh Ngọc Ân số tiền vốn vay là 166.000.000 đồng và tiền lãi là 33.990.000 đồng. Tổng cộng là: 199.990.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu Liễu về việc yêu cầu bà Phạm Thị Xem trả lại số tiền 10.000.000 đồng.

Về án phí: Trả lại cho bà Bạch Ngọc Diệu Hiền và ông Huỳnh Ngọc Ân số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng tại biên lai số 0009174 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức. Bà Nguyễn Thị Thu Liễu là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên được miễn án phí theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn về quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 19/10/2022, bà Nguyễn Thị Thu Liễu kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm, bà đồng ý trả số tiền 46.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bà Liễu không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp, nộp thêm tài liệu, chứng cứ mới và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở cấp sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Duyên trình bày: Bà không đồng ý kháng cáo của bà Liễu vì bà Liễu ký giấy vay tiền số tiền 166.000.000 đồng, bà Liễu cho rằng chỉ vay số tiền 60.000.000 đồng là không có căn cứ nên đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Liễu trình bày: Bà chỉ vay tiền của bà Hiền và ông Ân số tiền 60.000.000 đồng, bà đã trả 13.500.000 đồng nên bà đồng ý trả số tiền 46.500.000 đồng, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân LA phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Liễu đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Từ khi thụ lý cho

đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về yêu cầu kháng cáo của bà Liễu: Theo nội dung giấy mượn tiền ngày 05/08/2018 thì vợ chồng ông Huỳnh Ngọc Ân, bà Bạch Ngọc Diệu Hiền có cho bà Nguyễn Thị Thu Liễu vay số tiền 60.000.000 đồng và đến ngày 07/11/2019 chốt nợ lại là 166.000.000 đồng. Bà Liễu thừa nhận có vay nhiều lần đến ngày 05/08/2018 chốt lại nợ 60.000.000 đồng còn giấy mượn tiền ngày 07/11/2019 thì bà Liễu thừa nhận có ký tên nhưng cho rằng số tiền 166.000.000 đồng là do bà Hiền cộng dồn tiền vốn 60.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả vào. Tuy nhiên bà Liễu không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho số tiền 60.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 05/08/2018 là số tiền cộng dồn tiền vốn và lãi chưa trả vào thành số tiền 166.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 07/11/2019 và bà Liễu cũng tự nguyện ký tên vào giấy mượn tiền nên việc bà Hiền yêu cầu bà Liễu trả số tiền 166.000.000 đồng cùng lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 7/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm và bà Hiền thừa nhận đã nhận số tiền lãi của bà Liễu 10.000.000 đồng nên khấu trừ vào số tiền lãi bà Liễu phải trả cho bà Hiền là có căn cứ. Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Liễu. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Liễu thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Xem đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Xem.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Liễu, thấy rằng:

[3.1] Bà Bạch Ngọc Diệu Hiền và ông Huỳnh Ngọc Ân yêu cầu bà Liễu trả số tiền vay 166.000.000 đồng và tiền lãi. Bà Liễu không đồng ý, chỉ đồng ý trả số tiền 46.500.000 đồng.

[3.2] Căn cứ giấy mượn tiền ngày 07/11/2019, có nội dung: “...Bà *Nguyễn Thị Thu Liễu* có mượn của ông *Huỳnh Ngọc Ân* và bà *Bạch Ngọc Diệu Hiền* số tiền 166.000.000 đồng ...”, bà Liễu có ký tên vào giấy mượn tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Liễu thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn nhiều lần, đến ngày 05/8/2018 hai bên chốt nợ lại số tiền vốn và tiền lãi còn nợ là 60.000.000 đồng, hai bên có làm giấy mượn tiền và ký tên.

Đối với giấy mượn tiền ngày 07/11/2019, bị đơn cho rằng nguyên đơn yêu cầu bà ký tên mà không nói ký nội dung gì, do thiếu hiểu biết nên bà ký tên vào

giấy này, bị đơn thừa nhận chữ ký trong giấy nợ ngày 7/11/2019 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là do bị đơn ký tên. Tuy nhiên, thực chất số tiền 166.000.000 đồng là do phía nguyên đơn cộng dồn tiền vốn 60.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả.

Xét thấy, bị đơn là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, biết đọc, biết viết, việc ký tên là tự nguyện, không bị ai đe dọa, ép buộc hay lừa dối nên việc bị đơn trình bày việc ký tên vào giấy mượn tiền nhưng không biết nội dung là không có căn cứ chấp nhận, bị đơn cũng không chứng minh được số tiền nguyên đơn khởi kiện 166.000.000 đồng là do cộng tiền vốn 60.000.000 đồng và tiền lãi nên không có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu tính tiền lãi: Khi xác lập quan hệ vay tài sản các bên có thỏa thuận tính lãi. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi từ ngày 07/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/10/2022) với lãi suất 0,75%/tháng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiền lãi được tính như sau: $166.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 35 \text{ tháng} = 43.990.000 \text{ đồng}$. Do quá trình vay bà Hiền, ông Ân thừa nhận đã nhận số tiền lãi của bà Liễu là 10.000.000 đồng nên sẽ được khấu trừ vào tiền lãi phải trả là $43.990.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} = 33.990.000 \text{ đồng}$.

Đối với số tiền lãi 3.500.000 đồng bà Liễu trình bày đã trả cho bà Hiền và ông Ân nhưng bà Hiền và ông Ân không thừa nhận và bà Liễu không có chứng cứ chứng minh. Do đó, số tiền này không được xem xét để khấu trừ vào lãi suất phải trả.

[3.4] Về phương thức và thời gian trả: Bà Liễu yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng nhưng phía bà Hiền và ông Ân không đồng ý nên yêu cầu này của bà Liễu không được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu Liễu, yêu cầu bà Phạm Thị Xem là mẹ của bà Bạch Ngọc Diệu Hiền trả số tiền đã nhận là 10.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm bà Liễu đã rút lại yêu cầu này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu này của bà Nguyễn Thị Thu Liễu là phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Như vậy, từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bạch Ngọc Diệu Hiền và ông Huỳnh Ngọc Ân buộc bà Nguyễn Thị Thu Liễu phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay là 166.000.000 đồng và tiền lãi là 33.990.000 đồng, tổng cộng là 199.990.000 đồng là có căn cứ.

[6] Xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Liễu không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Liễu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu Liễu là người cao tuổi (trên 60 tuổi) thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều

12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu Liễu là người cao tuổi nên miễn cho bà Liễu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Liễu.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26, 35, 147, khoản 1 Điều 228, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bạch Ngọc Diệu Hiền và ông Huỳnh Ngọc Ân đối với bà Nguyễn Thị Thu Liễu về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu Liễu phải có nghĩa vụ trả cho bà Bạch Ngọc Diệu Hiền và ông Huỳnh Ngọc Ân số tiền vốn vay là 166.000.000 đồng và tiền lãi là 33.990.000 đồng. Tổng cộng là: 199.990.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu Liễu về việc yêu cầu bà Phạm Thị Xem trả lại số tiền 10.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn cho bà Nguyễn Thị Thu Liễu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bạch Ngọc Diệu Hiền và ông Huỳnh Ngọc Ân không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hiền và ông Ân số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009174 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn cho bà Nguyễn Thị Thu Liễu án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC HCM
- VKSND LA
- TAND CD;
- Chi cục THADS CD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NTMH